

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-ST
Ngày 10-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Văn Hợp;

Bà Đinh Thị Thao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/HSST-QĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 366/TB-TA ngày 24 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/HSST-QĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 469/TB -TA ngày 25 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1983 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T2; con bà: Lưu Thị T; có vợ: Nguyễn Thị Q và 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án xét xử; bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ, Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 17 tháng 12 năm 2020 đến ngày 18 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Lò Thị Y, sinh năm 1980; trú tại: Thôn N, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. Chị Cao Thị H, sinh năm 1995; trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Anh Nông Đức L, sinh năm 1995; trú tại: Thôn Đ1 (nay là khu H), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Anh Hoàng Trung T1, sinh năm 1993; trú tại: Thôn Đ1 (nay là khu H), thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T đứng tên đăng ký kinh doanh và quản lý quán hát Karaoke L tại thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy phép số 01/GP-VHTT được Phòng Văn hóa và Thông tin huyện C cấp ngày 17 tháng 02 năm 2020. Cuối tháng 10 năm 2020 T nhận Lò Thị Y đến làm việc tại quán hát, có đăng ký tạm trú từ ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại Công an xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 16 tháng 12 năm 2020 T nhận thêm Cao Thị H làm nhân viên phục vụ tại quán hát, chưa đăng ký tạm trú. Trong thời gian làm việc tại quán, giữa Y, H và T không làm hợp đồng lao động mà chỉ thỏa thuận bằng miệng, Y và H phục vụ rót rượu bia và chọn bài hát cho khách đến hát, mỗi giờ T trả 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Nếu khách có nhu cầu mua dâm thì Y và H tự thỏa thuận với khách, nhưng phải được sự cho phép của T, được T đồng ý mới được bán dâm cho khách. T tạo điều kiện cho Y và H bán dâm cho khách tại hai gian phòng ngủ trên tầng hai của quán hát và cung cấp bao cao su cho Y và H thực hiện hành vi mua bán dâm. Nếu bán dâm cho khách được 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) trên một lượt thì phải trích lại cho T 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), Y và H được hưởng 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Nếu bán dâm cho khách được 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) trên một lượt thì phải trích lại cho T 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), Y và H được hưởng 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền trích lại cho T được thanh toán một lần vào cuối ngày, cuối giờ làm khi hết khách.

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 16 tháng 12 năm 2020 T đang ở quầy của quán hát thì có Hoàng Trung T1 và Nông Đức L đến quán để hát và yêu cầu cho hai nhân viên nữ để phục vụ. T bố trí cho T1 và L vào phòng hát số 02 tại tầng một của quán, sau đó gọi hai nhân viên là Y và H vào phục vụ khách. Trong lúc

hát, T1 và L có nhu cầu mua dâm nên đã hỏi Y và H bán dâm, Y và H đồng ý bán dâm với giá 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) mỗi người trên một lượt. Sau khi thống nhất giá xong, Y ra ngoài quây xin phép T cho Y và H bán dâm cho khách, T đồng ý. Được sự cho phép của T, Y quay lại phòng hát và nói với H, T1 và L lên tầng hai của quán, sau đó Y và T1 vào gian phòng ngủ sát cầu thang bộ, còn H và L vào gian phòng ngủ bên cạnh để thực hiện hành vi quan hệ tình dục (mua bán dâm). Trong khi Y và T1, H và L đang quan hệ tình dục thì bị Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bắt quả tang.

Thu giữ vật chứng:

- Tại phòng mua bán dâm của Hoàng Trung T1 và Lò Thị Y: Số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tại túi quần đằng trước bên phải của Hoàng Trung T1; số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) trong ví của Lò Thị Y để ở đầu giường; 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng; 02 (hai) bao cao su chưa qua sử dụng.

- Tại phòng mua bán dâm của Nông Đức L và Cao Thị H: Số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tại túi quần đằng trước bên phải của Nông Đức L; số tiền 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) để ở phần ốp lưng điện thoại di động trên giường của Cao Thị H; 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng; 01 (một) bao cao su chưa qua sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định số 44/KL-KLGD-PC09 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm nghìn đồng) trong 04 (bốn) gói niêm phong gửi giám định đều là tiền thật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng đã truy tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Q khai nhận: Chị là vợ của bị cáo Nguyễn Văn T tuy nhiên quá trình bị cáo T kinh doanh karaoke và chứa mại dâm tại quán chị không hề biết.

Cáo trạng số: 16/CT-VKSCL ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Chứa mại dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá tính chất, động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Chứa mại dâm.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm đến 03 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số bao cao su đã thu giữ. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) của anh Hoàng Trung T1 và số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) của anh Nông Đức L. Trả lại chị Lù Thị Y số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) và chị Cao Thị H số tiền 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Phản tranh luận: Bị cáo Nguyễn Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Q không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lù Thị Y, chị Cao Thị H, anh Hoàng Trung T1, anh Nông Đức L đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt. Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về sự vắng mặt của họ và yêu cầu phiên toà được tiếp tục. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại quán hát Karaoke L thuộc thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Được sự đồng ý và tạo điều kiện của bị cáo Nguyễn Văn T là chủ kinh doanh và quản lý quán hát, hai nhân viên của quán là Lù Thị Y đã thực hiện hành vi bán dâm cho Hoàng Trung T1 và Cao Thị H đã thực hiện hành vi bán dâm cho Nông Đức L với giá 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) một người trên một lượt, sau khi bán dâm xong, chị Lù Thị Y và Cao Thị H sẽ trích lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) cho T là tiền chứa mại dâm. Khi chị Lù Thị Y, Hoàng

Trung T1, Cao Thị H và Nông Đức L đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục (mua bán dâm) thì bị Công an huyện Chi Lăng bắt quả tang. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Chứa mại dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự ở địa phương, ảnh hưởng đến giá trị đạo đức xã hội, cũng như ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, là nguồn gốc phát sinh, lây nhiễm nhiều căn bệnh xã hội. Bị cáo Nguyễn Văn T là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chứa mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích háms lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần phải xét xử nghiêm minh để đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử ngoài việc xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, còn phải đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Cụ thể như sau: Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T2 được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khen thưởng Hạng ba vì đã có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở tuyến I Biên giới phía Bắc; bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước tại địa phương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự (cụ thể 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự), không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội Chứa mại dâm quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cao nhất từ 01 đến 05 năm tù; ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục; có khả năng tự cải tạo; việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[7] Hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn T có nghề nghiệp là kinh doanh dịch vụ karaoke đã được cấp phép hoạt động nhưng kinh doanh dưới hình thức trá hình, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với chị Lò Thị Y và chị Cao Thị H có hành vi bán dâm nên ngày 29/01/2021 Công an huyện Chi Lăng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Y và H bằng hình thức phạt tiền là có căn cứ.

[9] Đối với anh Hoàng Trung T1 và anh Nông Đức L có hành vi mua dâm, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Chi Lăng chuyển hồ sơ cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để xử lý vi phạm hành chính theo quy định là có căn cứ.

[10] Đối với chị Nguyễn Thị Q là vợ của bị cáo Nguyễn Văn T. Do Q không tham gia vào hoạt động kinh doanh quán hát Karaoke, không biết T cho nhân viên bán dâm tại quán hát để kiếm lời, do đó không có căn cứ để xem xét, xử lý.

[11] Về vật chứng: Đối với 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng; 03 (ba) bao cao su chưa qua sử dụng thu giữ tại hiện trường đều là những tài sản không có giá trị sử dụng, liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) của anh Hoàng Trung T1 và số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) của anh Nông Đức L là tiền các đối tượng sẽ bỏ ra để thực hiện hành vi mua bán dâm, liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) thu của chị Lò Thị Y và 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) thu của chị Cao Thị H không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[12] Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã đề nghị về tội danh, về hình phạt chính đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đề nghị về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tuy nhiên trên cơ sở phân tích tại đoạn [5] và [6] xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội đồng thời cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật. Về hình phạt bổ sung, trên cơ sở phân tích tại đoạn [7] xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[13] Về án phí: Do bị cáo Nguyễn Văn T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Kiến nghị: Hội đồng xét xử đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn kiến nghị với các cơ quan Công an huyện Chi Lăng, Phòng văn hóa thông tin huyện C thu hồi giấy đảm bảo an ninh trật tự, giấy phép hoạt động Karaoke do vi phạm Nghị định 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo và do bị cáo bị kết án phạm tội Chứa mại dâm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; các khoản 1, 2 Điều 65; điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Chứa mại dâm.

2. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10 tháng 5 năm 2021. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng đựng trong 01 phong bì được đánh số 03 bên ngoài ghi chữ viết tay “01 bao cao su đã qua sử dụng”; 02 bao cao su đã qua sử dụng đựng trong 01 phong bì được đánh số 04 bên ngoài ghi chữ viết tay “02 bao cao su đã qua sử dụng”; 01 bao cao su đã qua sử dụng đựng trong 01 phong bì được đánh số 07 bên ngoài ghi chữ viết tay “Nông Đức

L 01 bao cao su đã qua sử dụng”; 01 bao cao su chưa qua sử dụng đựng trong 01 phong bì được đánh số 08 bên ngoài ghi chữ viết tay “01 bao cao su chưa qua sử dụng”.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) đựng trong 01 phong bì được đánh số 01 bên ngoài ghi chữ viết tay 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) của Hoàng Trung T1; số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) đựng trong 05 phong bì được đánh số 01 bên ngoài ghi chữ viết tay 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) của Nông Đức L;

3.3. Trả lại cho chị Lò Thị Y số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) đựng trong 01 phong bì được đánh số 02 bên ngoài ghi chữ viết tay 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) (Lò Thị Y); trả lại chị Cao Thị H số tiền 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) đựng trong 01 phong bì được đánh số 06 bên ngoài ghi chữ viết tay Cao Thị H 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng lập ngày 01 tháng 3 năm 2021).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự để sung công quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lò Thị Y, chị Cao Thị H, anh Hoàng Trung T1, anh Nông Đức L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Chi Lăng;
- Cơ quan CSĐT Công an H. Chi Lăng;
- Cơ quan THAHS Công an H. Chi Lăng;
- Chi cục thi hành án H. Chi Lăng;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hương Giang